TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản số: 16/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06/6/2019
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Vũ văn Mác
2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lô Thị Lệ Hoài - Thư ký Toà án, Toà án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ tham gia phiên toà – Bà Ma Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 06 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Đồng Hỷ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 54/2019/TLST-HNGĐ ngày 7 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị Sy L, sinh năm 1997.(*Có mặt tại phiên tòa*)
Hộ khẩu thường trú: Bản N, xã Y, huyện T, tỉnh Nghệ An

- Bị đơn: Anh Âu Văn C, sinh năm 1992.(*Vắng mặt tại phiên tòa*)
Hộ khẩu thường trú: Xóm T, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lương Thị Sy L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Yên Na, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng gia đình chị L tại bản Na Pu, xã Yên Na, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Quá trình chung sống, vợ chồng chỉ sống hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh C hay tụ tập bạn bè uống rượu, không lo cho cuộc sống gia đình. Vợ chồng đã giải hòa nhưng không có kết quả. Năm 2017 do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong khoảng thời gian ly thân, anh C không thường xuyên về thăm con mà bỏ mặc mẹ con chị L tự chăm sóc

nhau. Vì vậy, chị L xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Âu Thị Trâm A, sinh ngày 28/5/2015. Hiện tại cháu A đang sống cùng với chị L. Sau khi ly hôn, chị L xin nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, anh C đang đi làm ăn cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án đã tiến hành làm việc với ông Âu Đức Nlà bố đẻ sống cùng nơi cư trú với anh C để tống đạt các văn bản thông báo, quyết định cho anh C. Tại biên bản làm việc ngày 22/4/2019, ông N cung cấp thông tin về tình trạng hôn nhân của chị L và anh C như sau: Chị L và anh C tự ý yêu thương, tìm hiểu, làm đám cưới và đăng ký kết hôn trong Nghệ An rồi mới về nhà ra mắt bố mẹ. Sau khi kết hôn, chị L và anh C làm ăn ở quê vợ chị L. Năm 2017 chị L đưa con chung của vợ chồng về nhà cho ông N chăm sóc vài tháng để đi làm tại Bắc Ninh. Ông N nghe chuyện chị L có quan hệ ngoài luồng với người khác nên vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân từ đó đến nay. Chị L bế con về nhà bố mẹ đẻ và chỉ về nhà chồng khi có việc.Về con chung: Vợ chồng chị L và anh C có một con chung là Âu Thị Trâm A, sinh ngày 28/5/2015. Hiện tại con chung đang ở cùng với chị L. Anh C có nói lại với ông N rằng, do con còn nhỏ nên cứ để cho chị L nuôi dưỡng.Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị L và anh C không có tài sản chung, nợ chung.

Anh C đã được tống đạt các văn bản, thông báo, quyết định của toà án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng anh C vẫn vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và đưa ra xét xử ngày hôm nay.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng và phát biểu quan điểm đề nghị hướng giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 21, 28, 35, 39, 147, 174, 175, 177, 196, 220, 227, 228 của BLTTDS 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết 326/ UBTV Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lương Thị Sy L, cho chị L được ly hôn anh C. Về con chung: Giao con chung cho chị Lương Thị Sy L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp

dưỡng nuôi con chung cho anh C vì chị L không yêu cầu. Về tài sản chung: Không giải quyết. Về án phí: chị L phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng*:*

Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình bị đơn hộ khẩu thường trú tại: huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ đã tiến hành làm việc với thân nhân của anh C để xác định tình trạng hôn nhân của vợ chồng. Toà án cũng đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập phiên toà cho bị đơn nhưng cả hai lần mở phiên toà anh C đều vắng mặt nên căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh C.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Sy L và anh Âu Văn C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kêt hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ thấy, quá trình chung sống vợ chồng sống không hạnh phúc anh C chỉ ham chơi, tụ tập rượu chè mà không quan tâm đến gia đình khiến cho chị L cảm thấy cuộc sống vợ chồng bế tắc, không có sự chia sẻ, chăm lo, vun đắp hạnh phúc gia đình. Nay, chị Liễu xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên xin được ly hôn.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân đối với thân nhân anh C được biết: Anh C cũng không còn tình cảm vợ chồng do chị L sống không chung thủy nên anh nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị L.

Từ những nhận định trên thấy chị L và anh C bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sông chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên C chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L như vậy là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống vợ chồng chị L, anh C có một con chung là: Âu Thị Trâm A, sinh ngày 28/5/2015. Chị L có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu của chị L là hợp lý và C được chấp nhận vì từ khi vợ chồng sống ly thân, con chung ở chị L, anh C cũng không có quan tâm. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con khi bố mẹ ly hôn C thiết giao con chung cho chị L trực

tiếp nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh C vì chị L không có yêu cầu. Vì lợi ích của con, sau khi ly hôn, các đượng sự có quyền thoả thuận hoặc có quyền khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc về việc cấp dưỡng nuôi con nếu thấy C thiết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh C xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị Lương Thị Sy L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 174, 175, 177, 196, 220, 227, 228, 271 và Điều 273 của BLTTDS 2015; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Lương Thị Sy L, cho chị Lương Thị Sy L được ly hôn với anh Âu Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung là : Âu Thị Trâm A, sinh ngày 28/5/2015 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh C vì chị L không yêu cầu. Anh C được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung*:* Không có yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Án phí:

Chị Lương Thị Sy L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên Li thu số 0016264 ngày 07/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn (chị L), vắng mặt bị đơn (anh C). Báo cho chị L biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên

án. Báo cho anh C biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh và huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- UBND xã Nam Hòa, huyện Đồng Hỷ .
- UBND xã Yên Na,huyện Tương Dương,Nghệ An
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Quang Tuấn